TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 12-11-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Ông Nguyễn Quang Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hữu Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị B, sinh năm 1981; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp G H, xã G L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn G, sinh năm 1981; Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp A K, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày:

Chị và anh G chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T. Sau khi cưới, vợ chồng thường sống qua lại giữa nhà mẹ ruột chị ở ấp G H, xã G L và nhà riêng của anh G ở ấp A K, xã A T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G yêu cầu chị đưa tiền mua bò về

nuôi nhưng chị không đồng ý nên từ đó anh G có thái độ khó chịu với chị. Ngoài ra, tiền anh G kiếm được đều tự tiêu xài riêng không phụ chị tiền nuôi con, anh G mê chơi cờ bạc nên thường thiếu nợ, những lần cãi nhau anh G còn hay đánh chị. Chị đã 03 lần nộp đơn yêu cầu ly hôn anh G tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, nhưng những lần đó anh G đều năn nỉ chị, hứa sửa đổi nên chị rút đơn. Nhưng sau khi chị rút đơn anh G vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục đánh chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Vào tháng 7-2019, anh G có đến gặp chị kêu chị quay về chung sống với anh G nhưng chị không đồng ý thì anh G chửi bới, doạ giết chị, từ đó đến nay chị và anh G không ai đặt vấn đề đoàn tụ nữa.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Phi L, sinh ngày 26-01-2007 hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh G đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh G cố tình vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị B yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn G.

Về con chung: Giao cháu Bùi Phi L, sinh ngày 26-01-2007 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị B và anh G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn G vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh G chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B trình bày là do anh G không lo cho gia đình mà mê chơi cờ bạc và đánh chị. Chị B đã ba lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cho anh G có cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi chị B rút đơn ly hôn, anh G vẫn không thay đổi nên vợ chồng không chung sống hạnh phúc lại được và tự ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh G trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh G có một con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 26-01-2007. Nay chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Toà án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu L, cháu có nguyện vọng được theo sống với chị B. Từ khi chị B và anh G ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, có cơ sở giao chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu L là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu L theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh G cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng số tiền 750.000 đồng là phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn anh Bùi Văn G.

2. Về con chung: Giao chị Ngô Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phi L, sinh ngày 26-01-2007.

Anh Bùi Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017253 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị B đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Văn G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho chị B biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã A T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc